

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ
Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính
về Thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế TNCN, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính về thuế TNCN như sau:

Điều 1. Sửa đổi một số mẫu tờ khai, bảng kê và văn bản kê khai thuế TNCN như sau (Danh mục kèm theo Thông tư này):

1. Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện theo mẫu số 02/KK-TNCN, Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú thực hiện theo mẫu số 03/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho các mẫu số 02/KK-TNCN, mẫu số 03/KK-TNCN và mẫu số 04/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 84/2008/TT-BTC).

2. Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân thực hiện theo mẫu số 05/KK-TNCN, và các Bảng kê (mẫu số 05A/BK-TNCN, mẫu số 05B/BK-TNCN) ban hành theo Thông tư này, thay thế cho các mẫu số 05/KK-TNCN, mẫu số 05A/BK-TNCN và mẫu số 05B/BK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

3. Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú thực hiện theo mẫu số 06/KK-TNCN và bảng kê thực hiện theo mẫu số 06B/BK-TNCN ban hành theo Thông tư này, thay thế mẫu số 06/KK-TNCN và bảng kê theo mẫu số 06B/BK-TNCN. Bãi bỏ các bảng kê theo mẫu số 06A/BK-TNCN, 06C/BK-TNCN và 06D/BK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

4. Tờ khai thuế TNCN áp dụng chung cho cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai trực tiếp với cơ quan thuế thực hiện theo mẫu số 07/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 07/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

5. Tờ khai tạm nộp thuế TNCN (dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai) thực hiện theo mẫu số 08/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 08/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

6. Tờ khai tạm nộp thuế TNCN (dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai) thực hiện theo mẫu số 08A/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 08A/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

7. Tờ khai quyết toán thuế TNCN (dành cho nhóm cá nhân kinh doanh) thực hiện theo mẫu số 08B/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 08B/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

8. Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh thực hiện theo mẫu số 09/KK-TNCN và các phụ lục theo mẫu số 09A/PL-TNCN, 09B/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho các mẫu số 09/KK-TNCN và phụ lục theo mẫu số 09A/PL-TNCN, 09B/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

9. Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thực hiện theo mẫu số 13/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số mẫu số 13/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

10. Văn bản đề nghị giảm thuế TNCN thực hiện theo mẫu số 18/MGT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 18/MGT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

11. Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm thực hiện theo mẫu số 01/KK-BH ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 01/KK-BH ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký thuế, khấu trừ thuế, khai thuế và quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân làm đại lý bảo hiểm (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2009/TT-BTC).

12. Tờ khai tổng hợp thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm thực hiện theo mẫu số 02/KK-BH và Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm thực hiện theo mẫu số 02A/BK-BH ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho các mẫu số 02/KK-BH, mẫu số 02A/BK-BH ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BTC.

13. Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số thực hiện theo mẫu số 01/KK-XS ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho mẫu số 01/KK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 42/2009/TT-BTC ngày 09/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN đối với cá nhân làm đại lý xổ số và khấu trừ thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ trúng thưởng xổ số (sau đây gọi tắt là Thông tư số 42/2009/TT-BTC).

14. Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số thực hiện theo mẫu số 02/KK-XS, Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý xổ số thực hiện theo mẫu số 02A/BK-XS ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế cho các mẫu số 02/KK-XS, mẫu số 02A/BK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 42/2009/TT-BTC.

15. Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, nhận cổ tức ghi tăng vốn góp thực hiện theo mẫu số 24/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này, thay thế mẫu số 24/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 84/2008/TT-BTC.

16. Bãi bỏ các Phụ lục giảm thuế TNCN (mẫu số 01/KKQT-TNCN, mẫu số 02/KKQT-TNCN, mẫu số 03/KKQT-TNCN) ban hành kèm theo Thông tư số 176/2009/TT-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại Khu kinh tế để thực hiện thống nhất theo các tờ khai, bảng kê tại Điều 1 Thông tư này.

Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế thực hiện kê khai quyết toán số thuế TNCN đã khấu trừ sau khi giảm thuế theo các mẫu số 05/KK-TNCN, và các Bảng kê mẫu số 05A/KK-TNCN, mẫu số 05B/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

Cá nhân có thu nhập trong khu kinh tế được giảm thuế TNCN thực hiện kê khai số thuế TNCN được giảm tại Tờ khai quyết toán thuế TNCN theo mẫu số 09/KK-TNCN và các Phụ lục theo mẫu số 09A/PL-TNCN, 09B/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2 : Bãi bỏ hướng dẫn về hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN quy định tại điểm 3.2, Mục II, Phần D Thông tư số 84/2008/TT-BTC và thay thế bằng hướng dẫn sau:

3.2. Hồ sơ hoàn thuế gồm có:

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (đối với các đối tượng phải quyết toán thuế TNCN);
- Văn bản đề nghị giảm thuế theo mẫu số 18/MGT-TNCN (đối với những cá nhân được giảm thuế TNCN do bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo có yêu cầu hoàn thuế);
- Chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế thu nhập cá nhân (bản chính).

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% thuộc đối tượng phải khai quyết toán thuế; cá nhân được giảm thuế do bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, mắc bệnh hiểm nghèo sau khi được giảm thuế có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp, nếu có yêu cầu hoàn thuế thì phản ánh vào chỉ tiêu “Tổng số thuế đề nghị hoàn” tương ứng tại các tờ khai, kèm theo các chứng từ, biên lai nộp thuế.

Căn cứ vào yêu cầu hoàn thuế phản ánh trên tờ khai quyết toán, văn bản đề nghị giảm thuế cơ quan thuế sẽ kiểm tra và thực hiện hoàn thuế, cá nhân đề nghị hoàn thuế không phải làm các thủ tục hoàn thuế quy định tại điểm 6 mục I, phần G Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và quy định tại điểm 6, Mục I, Phần B, Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu qua ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Đối với các Tờ khai quyết toán thuế TNCN, thủ tục hoàn thuế được áp dụng ngay cho kỳ quyết toán thuế năm 2009, các nội dung khác áp dụng ngay từ kỳ kê khai thuế TNCN năm 2010 trở đi. Các thủ tục hành chính về thuế TNCN không được hướng dẫn tại Thông tư này tiếp tục thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận: TƯ

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng BCĐ trung ương về Phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN). HSĐ

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC CÁC MẪU TỜ KHAI, BẢNG KÊ, VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐƯỢC THAY THẾ MỚI

(Ban thành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTC ngày 05/02/2010 của Bộ Tài chính)

STT	MẪU MỚI		MẪU CŨ TRƯỚC ĐÂY		
	Tên	Ký hiệu	Tên	Ký hiệu	Văn bản quy định
01	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	02/KK-TNCN	- Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân cư trú.	02/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
02	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú	03/KK-TNCN	- Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng cho cá nhân cư trú.	03/KK-TNCN	
			- Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú.	04/KK-TNCN	
03	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân cư trú	05/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân cư trú.	05/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
04	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động	05A/KK-TNCN	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động,	05A/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
			Phụ lục giảm thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả tiền lương tiền công cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế.	01/KKQT-TNCN	Thông tư số 176/2009/TT-BTC

05	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng	05B/KK-TNCN	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng	05B/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
			Phụ lục giảm thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả tiền lương tiền công cho cá nhân làm việc tại Khu kinh tế	01/KKQT-TNCN	Thông tư số 176/2009/TT-BTC
06	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân, trả thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú	06/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng cho cá nhân cư trú	06/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
07	Bảng kê chi tiết giá trị chuyển nhượng và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 06/KK-TNCN)	06B/BK-TNCN	- Bảng kê chi tiết giá trị chuyển nhượng và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.	06B/BK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
			- Bảng kê chi tiết thu nhập tính thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ đầu tư vốn. (bãi bỏ)	06A/BK-TNCN	
			- Bảng kê chi tiết thu nhập tính thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại. (bãi bỏ)	06C/BK-TNCN	
			- Bảng kê chi tiết thu nhập tính thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập từ trúng thưởng. (bãi bỏ)	06D/BK-TNCN	
08	Tờ khai thuế TNCN áp dụng chung cho cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai trực tiếp với cơ quan thuế	07/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công	07/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC

09	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	08/KK-TNCN	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	08/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
10	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	08A/KK-TNCN	Tờ khai tạm nộp thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai	08A/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
11	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh	08B/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho nhóm cá nhân kinh doanh	08B/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
12	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền công tiền lương và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh	09/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền công tiền lương và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh	09/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
13	Phụ lục Thu nhập từ tiền lương tiền công kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN	09A/PL-TNCN	Phụ lục Thu nhập từ tiền lương tiền công kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN	09A/PL-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
			Phụ lục giảm thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai quyết toán do làm việc tại Khu kinh tế	02/KKQT-TNCN	Thông tư số 176/2009/TT-BTC
14	Phụ lục Thu nhập từ kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN	09B/PL-TNCN	Phụ lục Thu nhập từ kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế mẫu số 09/KK-TNCN	09B/PL-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
			Phụ lục giảm thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai quyết toán do làm việc tại Khu kinh tế	02/KKQT-TNCN	Thông tư số 176/2009/TT-BTC
15	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	13/KK-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	13/KK-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC
16	Văn bản đề nghị giảm thuế TNCN	18/MGT-TNCN	Văn bản đề nghị giảm thuế TNCN	18/MGT-TNCN	Thông tư số 84/2008/TT-BTC

17	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm	01/KK-BH	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm	01/BK-BH	Thông tư số 10/2009/TT-BTC
18	Tờ khai tổng hợp thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm	02/KK-BH	Tờ khai tổng hợp thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm	02/BK-BH	Thông tư số 10/2009/TT-BTC
19	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm	02A/BK-BH	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm	02A/BK-BH	Thông tư số 10/2009/TT-BTC
20	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số	01/KK-XS	Tờ khai khấu trừ thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số	01/KK-XS	Thông tư số 42/2009/TT-BTC
21	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số	02/KK-XS	Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số	02/KK-XS	Thông tư số 42/2009/TT-BTC
22	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý xổ số	02A/BK-XS	Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý xổ số	02A/BK-XS	Thông tư số 42/2009/TT-BTC
23	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, nhận cổ tức ghi tăng vốn góp	24/KK-TNCN	Tờ khai thuế TNCN dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, nhận cổ tức ghi tăng vốn góp	24/KK-TNCN	Thông tư số 62/2009/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính))

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Tháng/Quý..... Năm

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Điện thoại:.....[06] Fax:.....[07] Email:

A. KHẤU TRỪ THUẾ TNCN ĐỐI VỚI THU NHẬP CHỊU THUẾ (TNCT) TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TRẢ CHO CÁ NHÂN CƯ TRÚ:

I. Khấu trừ thuế TNCN đối với TNCT trả cho cá nhân có hợp đồng lao động:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng
1	Tổng TNCT trả cho cá nhân [08]	
2	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế [09]	
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [10]	

II. Khấu trừ thuế TNCN đối với TNCT trả cho cá nhân không có hợp đồng lao động:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng TNCT trả cho cá nhân [11]	
2	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ 10% [12]	
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [13]	

B. KHẤU TRỪ THUẾ TNCN ĐỐI VỚI TNCT TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TRẢ CHO CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng TNCT trả cho cá nhân [14]	
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [15]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **03/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Tháng/Quý..... Năm

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Điện thoại:.....[06] Fax:.....[07] Email:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ đầu tư vốn:	
1	Tổng thu nhập tính thuế	[08]
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%)	[09]
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:	
1	Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán	[10]
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (0,1%)	[11]
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:	
1	Tổng thu nhập tính thuế	[12]
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%)	[13]
IV	Thu nhập từ trúng thưởng	
1	Tổng thu nhập tính thuế	[14]
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (10%)	[15]
V	Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú	
1	Tổng thu nhập trả cho cá nhân	[16]
2	Tổng số thuế đã khấu trừ	[17]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế
từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

										-				
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	--

[04] Dia chi:

[05] Điện thoại:..... [06] Fax:..... [07] Email:.....

I. Đối với cá nhân cư trú có hợp đồng lao động:

II. Đối với cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động:

B. THU NHẬP CHỊU THUẾ TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TRẢ CHO CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng/Số tiền
1	Tổng số cá nhân nhận TNCT	[14] Người	
2	Tổng TNCT trả cho cá nhân	[15] VNĐ	
3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[16] VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

**BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG,
TIỀN CÔNG CỦA CÁ NHÂN CƯ TRÚ CÓ KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/KK-TNCN)

Mẫu số: **05A/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND /Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Các khoản giảm trừ				TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		
					Người phụ thuộc		Tư thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm bắt buộc			Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải khấu trừ thêm
					Số NPT	Tổng số tháng giảm trừ							
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1													
2													
...													
Tổng				[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

**BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG CỦA CÁ NHÂN CƯ TRÚ
KHÔNG KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HOẶC CÓ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG DƯỚI 3 THÁNG**

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/KK-TNCN)

Mẫu số: **05B/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày 05/02/2010
của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]
1						
2						
...						
Tổng				[11]	[12]	[13]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngàythángnăm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số: **06/KK - TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[illegible]

[05] Điện thoại:[06] Fax:[07] Email:.....

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
I	Thu nhập từ đầu tư vốn:		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[08]	vnd
2	Tổng số thuế đã khấu trừ (5%)	[09]	vnd
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:		
1	Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng	[10]	vnd
2	Tổng số thuế đã khấu trừ (0,1%)	[11]	vnd
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[12]	vnd
2	Tổng số thuế đã khấu trừ (5%)	[13]	vnd
IV	Thu nhập từ trúng thưởng:		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[14]	vnd
2	Tổng số thuế đã khấu trừ (10%)	[15]	vnd
V	Thu nhập từ kinh doanh trả cho cá nhân không cư trú:		
1	Tổng số cá nhân nhận thu nhập chịu thuế	[16]	người
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân	[17]	vnd
3	Tổng số thuế đã khấu trừ	[18]	vnd

....., ngàytháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số: **06B/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 06/KK-TNCN)

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

[illegible]

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ	Thuế TNCN đã khấu trừ
[04]	[05]	[06]	[07]	[08]	[09]
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng				[10]	[11]

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP**
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Mẫu số: 07/KK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu		Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ		[08]
2	Tổng các khoản giảm trừ		[09]
	Trong đó:		
	a	Cho bản thân	[10]
	b	Cho người phụ thuộc	[11]
	c	Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[12]
	d	Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc	[13]
3	Tổng thu nhập tính thuế		[14]
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh trong kỳ		[15]
5	Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế		[16]
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được giảm		[17]
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp		[18]

☐ Hàng tháng, tôi có thu nhập ổn định như trên, tôi đăng ký các tháng sau không phải nộp tờ khai thuế theo mẫu 07/KK-TNCN mà nộp thuế hàng tháng trước ngày 20 của tháng sau. Nếu có thay đổi về thu nhập chịu thuế tôi sẽ kê khai lại thuế theo mẫu 07/KK-TNCN kể từ tháng có thay đổi thu nhập.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **08/KK – TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

(Dành cho cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Quý Năm

[illegible]

[05] Điện thoại:..... [06] Fax:..... [07] Email:.....

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh	[08]
2	Tổng chi phí phát sinh	[09]
3	Tổng thu nhập chịu thuế	[10]
4	Các khoản giảm trừ	[11]
	a Cho bản thân	[12]
	b Cho người phụ thuộc	[13]
	c Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[14]
	d Các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc đã đóng	[15]
5	Thu nhập tính thuế	[16]
6	Thuế TNCN tạm tính	[17]
7	Thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế	[18]
8	Thuế TNCN được giảm	[19]
9	Thuế TNCN tạm nộp	[20]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **08A/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI TẠM NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Quý Năm

[02] Họ và tên người đại diện cho nhóm kinh doanh:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[04] Địa chỉ:.....

[05] Điện thoại:..... [06] Fax:..... [07] Email:.....

I. DỰ KIẾN KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG KỲ CỦA NHÓM KINH DOANH:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh [08]	
2	Tổng chi phí phát sinh [09]	
3	Tổng thu nhập chịu thuế [10]	
4	Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế [11]	

II. CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ TẠM NỘP CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM:

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ chia TNCT	TNCT tương ứng	Các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN tạm tính	TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	Thuế TNCN được giảm	Thuế TNCN tạm nộp
[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]
1										
2										
3										
...										
Tổng cộng				[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngàytháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHO NHÓM KINH DOANH
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **08B/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 20/2010/TT-BTC ngày
05/02/2010 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Năm:

[02] Họ và tên người đại diện cho nhóm kinh doanh:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[04] Địa chỉ :

[05] Điện thoại: [06] Fax: [07] Email:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ [08]	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu [09]	
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ [10]	
4	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [11]	
5	Doanh thu hoạt động tài chính [12]	
6	Chi phí tài chính [13]	
7	Thu nhập từ hoạt động tài chính [14]	
8	Thu nhập khác [15]	
9	Chi phí khác [16]	
10	Thu nhập chịu thuế khác [17]	
11	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ [18]	
12	Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ [19]	

CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ chia TNCT	TNCT tương ứng	Các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN	TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	Thuế TNCN được giảm	Thuế TNCN đã tạm nộp
[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
1										
2										
.....										
Tổng cộng			[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày... tháng ...năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHO NHÓM KINH DOANH
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và cá nhân
có thu nhập từ kinh doanh)

Chính thức: [] Bổ sung: [] Lần: []

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Họ và tên cá nhân:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 -

--	--	--

[04] Địa chỉ:

[05] Điện thoại: [06] Fax: [07] Email:

[08] Số tài khoản ngân hàng (nếu có): Mở tại:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu		Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ		[09]
	a	Tổng TNCT từ tiền lương, tiền công	[10]
	b	Tổng TNCT từ kinh doanh	[11]
2	Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam		[12]
3	Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ		[13]
	a	Tổng TNCT từ tiền lương, tiền công làm căn cứ tính giảm thuế	[14]
	b	Tổng TNCT từ kinh doanh làm căn cứ tính giảm thuế	[15]
4	Các khoản giảm trừ		[16]
	a	Cho bản thân cá nhân	[17]
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[18]
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[19]
	d	Đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc	[20]
5	Tổng thu nhập tính thuế		[21]
6	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ		[22]
7	Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ		[23]
	a	Đã khấu trừ	[24]
	b	Đã tạm nộp	[25]
	c	Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có)	[26]
8	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ		[27]
9	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ		[28]
10	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ		[29]
	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn	[30]
	b	Tổng số thuế bù trừ vào kỳ sau	[31]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày ... tháng ... năm

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)